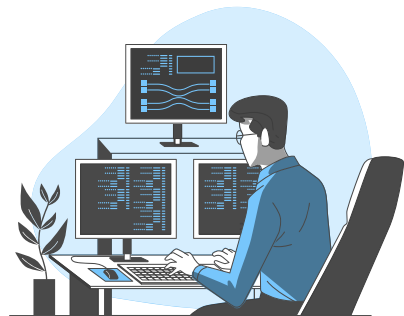


TS



Khóa học Backend

Bài 36: Học Typescript (Tiết 1)



Nội dung

01

Khái niệm
và cài đặt

...

02

Tại sao sử dụng
TypeScript?

...

03

Kiểu Number,
String, Boolean

...

04

Kiểu Object

...

05

Interface

...

06

Extend interface

...

07

Kiểu Array

...

08

Kiểu Tuple

...

09

Readonly

...

10

Functions

...

11

Default Parameters

...

12

Rest Parameters

...

13

Kiểu Enum

...

14

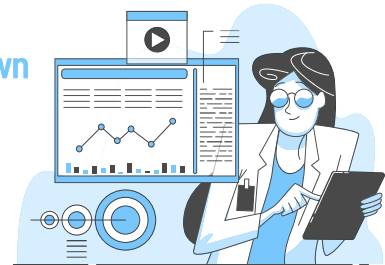
Kiểu Any

...

15

Kiểu unknown

...



01

Khái niệm và cài đặt

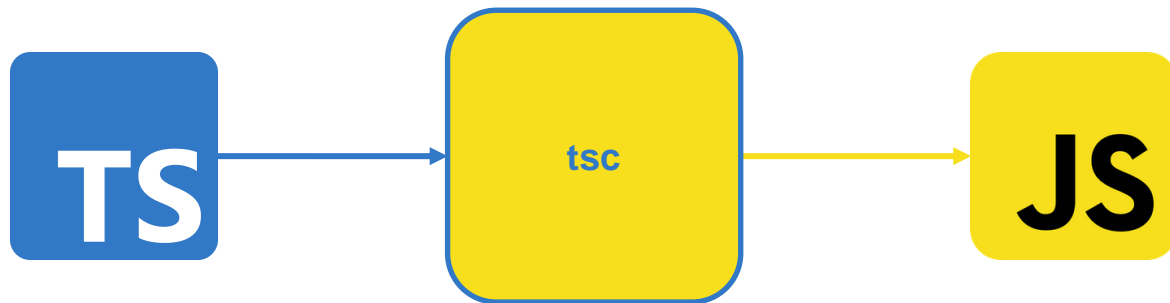
1.1. Khái niệm

- **Typescript** là một ngôn ngữ lập trình mã nguồn mở, được xây dựng dựa trên JavaScript.
- **Typescript bổ sung** thêm các **kiểu dữ liệu** khi khai báo biến.



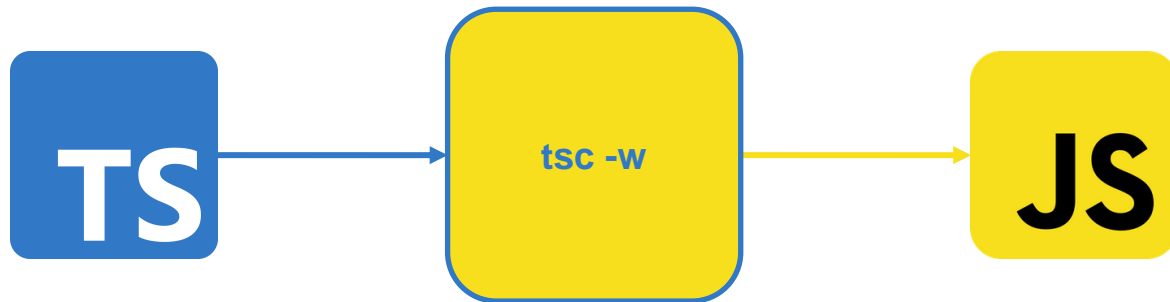
1.2. Cài đặt

- Cài đặt TS: **npm i -g typescript**
- Biên dịch TS thành JS: **tsc ten-file.ts**



1.3. Cấu hình tsconfig.json

- Tạo file: **tsconfig.json**
- Biên dịch TS thành JS: **tsc -w**

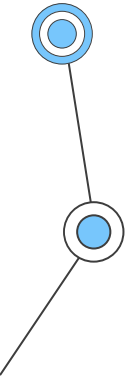
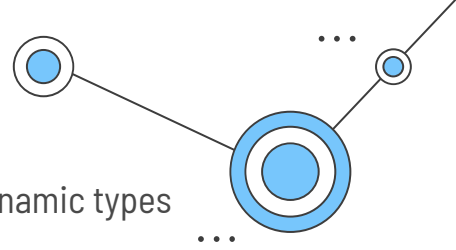


02

Tại sao sử dụng
TypeScript?

2. Tại sao sử dụng TypeScript?

- Typescript thêm các **types** khi khai báo biến để giúp tránh được nhiều vấn đề với dynamic types trong Javascript.
- *Hướng dẫn trong lúc học.*

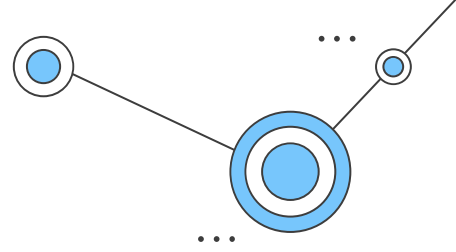


03

**Kiểu Number, String,
Boolean**

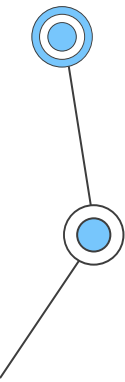
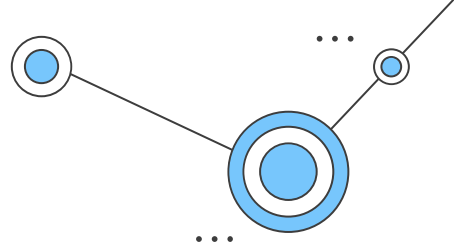
3.1. Kiểu Number

- *Hướng dẫn trong lúc học.*



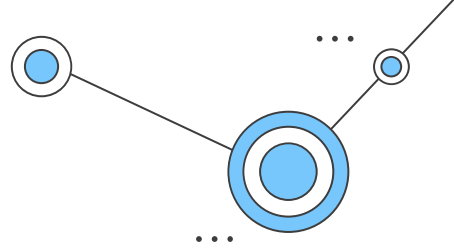
3.2. Kiểu String

- *Hướng dẫn trong lúc học.*



3.3. Kiểu Boolean

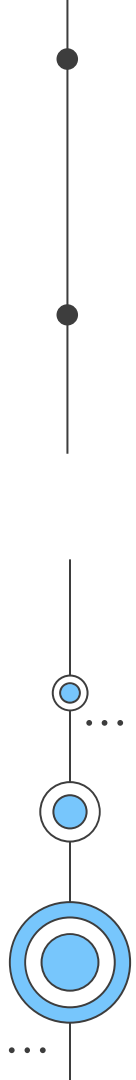
- *Hướng dẫn trong lúc học.*





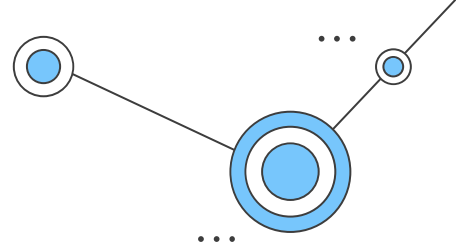
04

Kiểu Object



4. Kiểu Object

- *Hướng dẫn trong lúc học.*





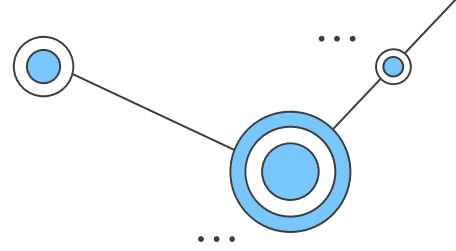
05

Interface



5. Interface

- *Hướng dẫn trong lúc học.*





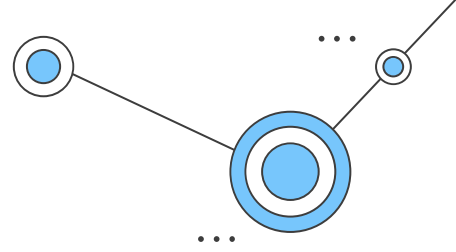
06

Extend interface



6. Extend interface

- *Hướng dẫn trong lúc học.*

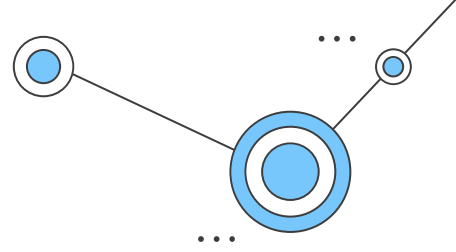


07

Kiểu Array

7. Kiểu Array

- *Hướng dẫn trong lúc học.*





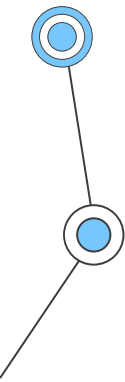
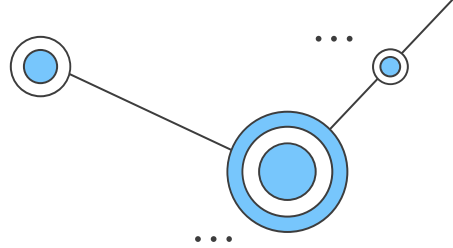
08

Kiểu Tuple



8. Kiểu Tuple

- Tuple giống như một mảng, nhưng:
 - Số lượng phần tử trong tuple là cố định.
 - **Types** của các phần tử trong mảng được chỉ định trước và không cần giống nhau.
- *Hướng dẫn trong lúc học.*





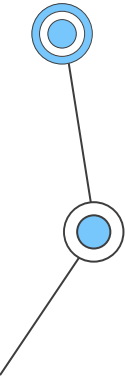
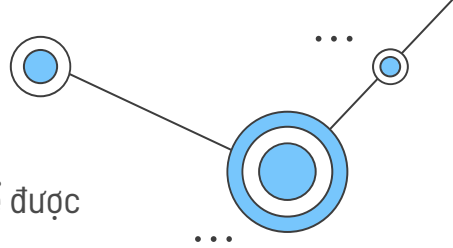
09

Readonly



9. Readonly

- Từ khóa **readonly** được sử dụng để chỉ định rằng một biến hoặc thuộc tính không thể được gán lại sau khi nó đã được khởi tạo.
- *Hướng dẫn trong lúc học.*





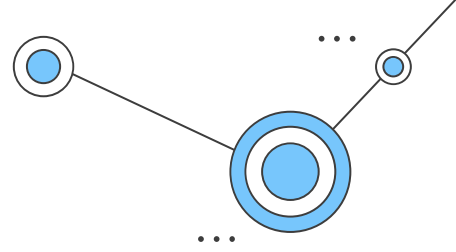
10

Functions



10. Functions

- *Hướng dẫn trong lúc học.*

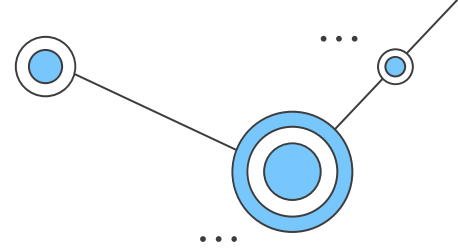


11

Default Parameters

11. Default Parameters

- *Hướng dẫn trong lúc học.*





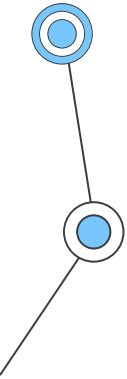
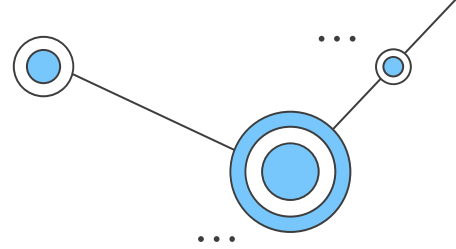
12

Rest Parameters



12. Rest Parameters

- *Hướng dẫn trong lúc học.*





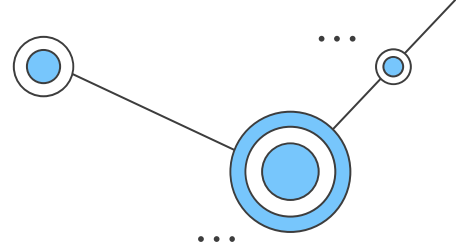
13

Kiểu Enum



13. Kiểu Enum

- Kiểu **enum** để liệt kê một nhóm các giá trị constant.
- *Hướng dẫn trong lúc học.*

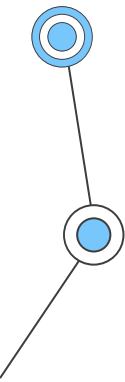
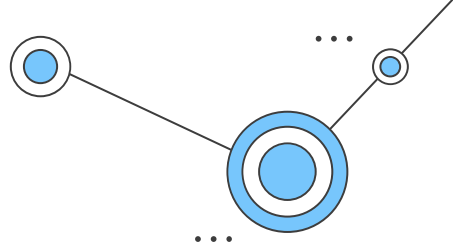


14

Kiểu Any

14. Kiểu Any

- Kiểu **any** giúp thay đổi linh hoạt được kiểu dữ liệu của một biến.
- *Hướng dẫn trong lúc học.*



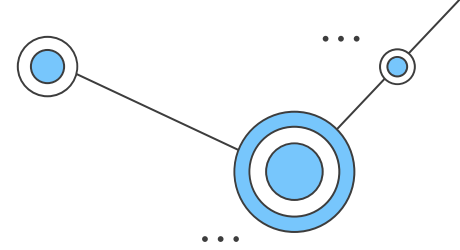


15

Kiểu Unknown



15. Kiểu Unknown



- Tương tự kiểu any.
 - Nhưng an toàn hơn kiểu any.
 - *Hướng dẫn trong lúc học.*
-
- So sánh kiểu any và unknown:
 - Kiểu any KHÔNG yêu cầu kiểm tra kiểu dữ liệu trước khi sử dụng giá trị → Khi gặp lỗi không hiển thị thông báo.
 - Kiểu unknown CÓ yêu cầu kiểm tra kiểu dữ liệu trước khi sử dụng giá trị → Khi gặp lỗi có hiển thị thông báo.

